# Bản Tóm Tắt Hệ thống Trách nhiệm Giải trình Gỗ Có Kiểm Soát FSC*Lưu ý: Những hướng dẫn được in nghiêng bên dưới cần xóa sau khi hoàn tất bản tóm tắt*

**1. Thông tin chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Công ty:** |  |
| **Mã chứng chỉ FSC:** |  |
| **Thông tin liên hệ về DDS tại tổ chức:** |  |
| **DDS được chuẩn bị/hỗ trợ bởi:** | *Liệt kê chi tiết về những nhân viên của công ty và bất kỳ tổ chức/cá nhân bên ngoài nào tham gia vào việc phát triển hệ thống DDS. Vui lòng nêu rõ DDS có được xây dựng với sự trợ giúp của một cá nhân/tổ chức bên ngoài nào hay không.* |
| **Ngày xét duyệt/cập nhật lần cuối (bởi công ty)** |  |

 **2. Những nhà cung cấp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở của công ty** | **Loại nguyên liệu không có chứng nhận được mua** | **Số lượng chính xác những nhà cung ứng** | **Loại nhà cung cấp** | **Số cấp trung bình trong chuỗi cung ứng** | **Số chính xác hoặc ước lượng các nhà cung cấp phụ** |
| *Tên cơ sở của công ty, bao gồm tất cả các địa điểm.* | *Mô tả loại sản phẩm được cung cấp ví dụ: gỗ tròn, gỗ xẻ, dăm gỗ, bột giấy v.v…* | *Số lượng những nhà cung ứng trực tiếp cung cấp nguyên liệu cho cơ sở* | *Ví dụ. Doanh nghiệp quản lý rừng, Môi giới/thương nhân không trực tiếp lưu kho, Sơ chế, Tinh chế, Nhà phân phối/người bán sỉ.* | *Số lượng trung bình các công ty trong chuỗi cung ứng, từ rừng đến nhà cung cấp.* | *Tổng số công ty là nhà cung cấp phụ (nhà cung cấp gián tiếp, hoặc nhà cung cấp cho các nhà cung cấp trực tiếp của Quý vị) trong toàn chuỗi cung ứng* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3. Vùng nguyên liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng nguyên liệu** | **Loại gỗ có kiểm soát** | **Tham khảo đánh giá rủi ro được sử dụng** | **Phân loại rủi ro** |
| *Trong quá trình đánh giá rủi ro cho từng loại gỗ có kiểm soát, cần phải xác định trong bảng mô tả rằng khu vực được đánh giá có rủi ro đồng nhất.**Đây là một bảng mô tả về phạm vi địa lý (bao gồm nước xuất xứ) và cũng có thể bao gồm loại nguồn cung/phạm vi chức năng, qua đó phản ánh các kết quả khác nhau của việc đánh giá rủi ro phụ thuộc vào những đặc điểm riêng như loại rừng (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng), quyền sở hữu (ví dụ chủ sở hữu là nhà nước hoặc tư nhân), v.v…* |  | *Nếu sử dụng Đánh giá rủi ro quốc gia (NRA) hoặc Đánh giá rủi ro quốc gia tập trung (CNRA), phải kèm theo tên tài liệu có trong Trung tâm Tài liệu FSC. Ví dụ. Tên hồ sơ cho CNRA cho Ba Lan là "FSC-CNRA-PL V1-1" (xem* <https://ic.fsc.org/en/document-center/id/238> *).**Nếu sử dụng đánh giá rủi ro của công ty hoặc đánh giá rủi ro mở rộng của công ty, hãy viết ra và tham khảo Phụ lục về đánh giá rủi ro.* | *Chọn loại rủi ro tương ứng cho từng vùng nguyên liệu và loại gỗ có kiểm soát theo các mục bên dưới* |
|  | 1 |  | Phân loại rủi ro |
| 2 |  | Phân loại rủi ro |
| 3 |  | Phân loại rủi ro |
| 4 |  | Phân loại rủi ro |
| 5 |  | Phân loại rủi ro |
|  | 1 |  | Phân loại rủi ro |
| 2 |  | Phân loại rủi ro |
| 3 |  | Phân loại rủi ro |
| 4 |  | Phân loại rủi ro |
| 5 |  | Phân loại rủi ro |
|  | 1 |  | Phân loại rủi ro |
| 2 |  | Phân loại rủi ro |
| 3 |  | Phân loại rủi ro |
| 4 |  | Phân loại rủi ro |
| 5 |  | Phân loại rủi ro |

**4. Đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro**

**4.a Giảm thiểu rủi ro đối với nguồn gốc nguyên liệu**

*Sao chép và điền đầy đủ thông tin bảng bên dưới cho từng vùng nguyên liệu. Thêm thông tin về các biện pháp kiểm soát đối với các mục được phân loại là rủi ro xác định hoặc rủi ro không xác định trong đánh giá rủi ro (xóa những hàng có rủi ro thấp hoặc không được tìm thấy trong phần đánh giá rủi ro).*

*Nếu Quý vị chỉ mua gỗ từ các khu vực có rủi ro thấp, hãy xoá bảng và ghi "****Không áp dụng, tất cả các vùng nguyên liệu đều có rủi ro thấp****"****.***

|  |
| --- |
| **Vùng nguyên liệu:** |
| **Các đề mục** | **Các biện pháp kiểm soát** | **Kết quả kiểm tra thực địa đã được thực hiện như một biện pháp kiểm soát** |
| Các đề mục được đánh giá là rủi ro xác định hoặc không xác định trong bản đánh giá rủi ro hiện hành. Lưu ý rằng các đề mục này sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc áp dụng loại đánh giá rủi ro nào và không phải tất cả đề mục sẽ được áp dụng cho đánh giá rủi ro của công ty cũng như các bản đánh giá rủi ro quốc gia “cũ”. | *Mô tả các biện pháp kiểm soát được thực hiện để giảm thiểu rủi ro và mô tả kết quả mong muốn.**Mô tả các hoạt động được tiến hành để xác minh tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, bao gồm thông tin về chu kỳ (tần suất Quý vị thực hiện xác minh), số lần đánh giá, giải thích cho việc chọn mẫu và kết quả chính của việc đánh giá. Nếu Quý vị tìm thấy điểm không phù hợp, hãy nêu các bước thực hiện để giải quyết.* | *Tóm tắt các kết quả của quá trình xác minh thực địa.**Khi tìm thấy những điểm không phù hợp, mô tả các bước thực hiện để giải quyết chúng, trừ những trường hợp bảo mật.**Đối với loại thông tin được coi là bảo mật và không được công bố, cần đưa ra lời giải thích thỏa đáng cho thông tin đó.* |
| Hạng mục gỗ có kiểm soát 1. Gỗ khai thác trái phép |
| 1.1 |  |  |
| 1.2 |  |  |
| 1.3 |  |  |
| 1.4 |  |  |
| 1.5 |  |  |
| 1.6 |  |  |
| 1.7 |  |  |
| 1.8 |  |  |
| 1.9 |  |  |
| 1.10 |  |  |
| 1.11 |  |  |
| 1.12 |  |  |
| 1.13 |  |  |
| 1.14 |  |  |
| 1.15 |  |  |
| 1.16 |  |  |
| 1.17 |  |  |
| 1.18 |  |  |
| 1.19 |  |  |
| 1.20 |  |  |
| 1.21 |  |  |
| Hạng mục gỗ có kiểm soát 2. Gỗ khai thác vi phạm các quyền truyền thống và quyền dân sự |
| 2.1 |  |  |
| 2.2 |  |  |
| 2.3 |  |  |
| 2.4 |  |  |
| 2.5 |  |  |
| Hạng mục gỗ có kiểm soát 3. Gỗ từ rừng có giá trị bảo tồn cao bị đe doạ bởi các hoạt động quản lý |
| 3.1  |  |  |
| 3.2 |  |  |
| 3.3  |  |  |
| 3.4 |  |  |
| 3.5 |  |  |
| 3.6 |  |  |
| Hạng mục gỗ có kiểm soát 4. Gỗ từ rừng được chuyển thành rừng trồng hoặc cho mục đích sử dụng phi lâm nghiệp |
| 4.1 |  |  |
| Hạng mục gỗ có kiểm soát 5. Gỗ từ rừng có cây biến đổi gen |
| 5.1 |  |  |

**4.b Đánh giá và giảm thiểu rủi ro đối với việc trộn lẫn trong chuỗi cung ứng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở** | **Loại chuỗi cung ứng** | **Cấp bậc** | **Rủi ro trộn lẫn** | **Các biện pháp kiểm soát** | **Kết quả kiểm tra thực địa đã được thực hiện như một biện pháp kiểm soát** |
| *Bảng này sẽ được điền cho mỗi địa điểm tham gia trong chuỗi cung ứng (được liệt kê trong bảng ở Phần 2)* | *Mô tả chuỗi cung ứng, ví dụ**• Gỗ được mua và giao trực tiếp từ chủ rừng đến bãi gỗ của Công ty**• Gỗ được giao trực tiếp từ chủ rừng đến bãi gỗ của Công ty, nhưng được mua thông qua một thương nhân buôn bán gỗ tròn.**• Gỗ được chuyển từ rừng đến nhà ga và vận chuyển bằng tàu hỏa đến Công ty**và đề cập rõ vùng nguyên liệu hoặc nêu rõ rằng nguyên liệu trước đây đã có khai báo FSC nhưng đã được chuyển giao trong chuỗi cung ứng không có chứng nhận FSC.* | *’Các cấp bậc' là các pháp nhân có quyền sở hữu gỗ từ điểm khai thác đến điểm mua gỗ. Nếu chỉ có 1 cấp, có nghĩa là gỗ được mua trực tiếp từ chủ rừng.* | *Tóm tắt đánh giá rủi ro về sự trộn lẫn trong chuỗi cung ứng này. Giải thích các kết luận.**NOTE: As per requirement 3.5 of FSC-STD-40-005 V3-1, material can only be used as controlled wood when there is low risk for origin and NO RISK of mixing with non-eligible inputs in the supply chains. Therefore, conclusions shall be either “no risk“ or that risk is present. Control measures are required for instances where risk is present.* | *Nếu đã xác định được rủi ro, mô tả rõ các hành động được thực hiện để giảm nhẹ rủi ro đó.* *Mô tả các hoạt động được tiến hành để xác minh tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, bao gồm thông tin về chu kỳ (tần suất Quý vị thực hiện xác minh), số lần đánh giá, giải thích cho việc chọn mẫu và kết quả chính của việc đánh giá. Nếu Quý vị tìm thấy điểm không phù hợp, hãy nêu các bước thực hiện để giải quyết.* | *Tóm tắt các kết quả của quá trình xác minh thực địa.**Khi tìm thấy những điểm không phù hợp, mô tả các bước thực hiện để giải quyết chúng, trừ những trường hợp bảo mật.**Đối với loại thông tin được coi là bảo mật và không được công bố, cần đưa ra lời giải thích thỏa đáng cho thông tin đó.* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Các chuyên gia kỹ thuật tham gia trong việc phát triển các biện pháp kiểm soát**

*Liệt kê tất cả các chuyên gia kỹ thuật có tham gia phát triển các biện pháp kiểm soát.*

*Nếu không có yêu cầu hoặc không sử dụng, hãy bỏ mục này và ghi "****không áp dụng, không có yêu cầu chuyên gia kỹ thuật****"****.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Số Giấy phép / Đăng ký**  | **Trình độ chuyên môn** | **Phạm vi dịch vụ** | **Nguồn thông tin** |
|  |  |  | *Nêu rõ các vùng nguyên liệu và các điểm cụ thể mà chuyên gia đã tham gia vào phát triển các biện pháp kiểm soát* | *Đối với các thông tin chuyên môn công khai có sẵn, cung cấp trích dẫn cụ thể cho nguồn thông tin được sử dụng* |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**6. Quá trình tham vấn các bên liên quan**

*Tóm tắt tất cả các quá trình tham vấn các bên liên quan mà công ty đã tiến hành, bao gồm các thông tin về:*

*Nếu không có quy trình tham vấn các bên liên quan được yêu cầu hoặc thực hiện, ghi "****Không áp dụng, tham vấn các bên liên quan không được yêu cầu****"*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng nguyên liệu** | **Hạng mục gỗ có kiểm soát liên quan** | **Danh sách các bên liên quan được mời tham gia** | **Tóm tắt ý kiến nhận được từ các bên liên quan** | **Mô tả lại các bình luận của các bên liên quan** | **Giải thích cho kết luận rằng nguyên liệu có nguồn gốc từ khu vực có rủi ro thấp** |
|  |  | *Liệt kê tất cả các bên liên quan đã liên lạc. Ví dụ, Chủ rừng/quản lý rừng, các Nhà thầu lâm nghiệp, Đại diện công nhân và ngành công nghiệp rừng, Tổ chức có chứng nhận FSC, các Tổ chức phi chính phủ xã hội ở cấp địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế, công nhân lâm nghiệp, công đoàn, cộng đồng địa phương, người dân bản địa, địa phương/khu vực/các tổ chức phi chính phủ quốc tế về môi trường, các tổ chức chứng nhận được FSC công nhận, các Cơ quan lâm nghiệp cấp tỉnh và quốc gia, các Chuyên gia có chuyên môn về các loại gỗ có kiểm soát, các Viện nghiên cứu và các trường đại học, Văn phòng khu vực/đối tác mạng lưới/nhóm làm việc của FSC.* |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**7. Quy trình xử lý khiếu nại**

Chúng tôi sẵn lòng đón nhận những ý kiến đóng góp, nhận xét hoặc khiếu nại từ các bên liên quan về hệ thống trách nhiệm giải trình gỗ có kiểm soát của công ty. Vui lòng liên hệ với [TÊN CÔNG TY LIÊN HỆ VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ] qua thư, thư điện tử hoặc điện thoại. Chúng tôi cam kết sẽ theo dõi các ý kiến đóng góp và đưa ra phản hồi cho các bên liên quan trong vòng 2 tuần.

*Cung cấp quy trình xử lý khiếu nại của Công ty. Quy trình phải đáp ứng các yêu cầu trong Phần 7 của tiêu chuẩn.*

**Phụ lục**

***Bao gồm tất cả các đánh giá rủi ro của công ty và đánh giá rủi ro mở rộng của công ty hoặc đề cập rõ tên hồ sơ nếu được đính kèm***